TAND HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:06/2019/DS- ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA – THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Hỷ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hưng;
2. Ông Nguyễn Văn Mừng;
-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa;
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dụ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 7 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa – Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2019/TLST – DS ngày 08/4/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST – DS, ngày 02/7/2019. Giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Bà Chu Thị H – sinh năm 1962;
Trú tại: bản N, xã X, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bị đơn: Anh Len Văn K – sinh năm 1981.
Trú tại: bản Kh, xã X, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Chu Thị H trình bày:

Do chỗ quen biết nên vào ngày 30/01/2014 bà Chu Thị H có cho anh Len Văn K, trú tại: bản Kh, xã X,huyện Quan Hóa,tỉnh Thanh Hóa vay số tiền 16.000.000đ(mười sáu triệu đồng) để lo công việc cá nhân. Thời hạn vay 03 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/ tháng. Các bên cam kết đến ngày 30/4/2014 anh K có trách nhiệm trả đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi cho bà H. Việc vay tiền được lập thành giấy vay tiền có chữ ký của anh K, bà H. Thực hiện hợp đồng vay, đến hạn trả nợ(30/4/2014) anh K không thanh toán cho bà H được khoản tiền nợ gốc và lãi nào.

Sau nhiều lần nhắc nợ anh K thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng anh K không thực hiện việc trả nợ như cam kết, vì vậy ngày 03/4/2019 bà H khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa đề nghị buộc bị đơn Len Văn K phải trả nợ cho bà số tiền gốc là 16.000.000đ(mười sáu triệu đồng); tiền lãi phát sinh theo lãi xuất 1%/tháng tạm tính từ 30/01/2014 đến 31/3/2019 là: 16.000.000đ x 1%/tháng x 62 tháng = 9.920.000đ(Chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Bà H yêu cầu anh K phải trả cho bà số gốc + tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2019 là: 25.920.000đ(hai lăm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chu Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa buộc bị đơn Len Văn K phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 16.000.000đ(mười sáu triệu đồng).

Tại bản ý kiến và bản tự khai ngày 02/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Len Văn K trình bày:

Do chỗ quen biết với bà H ở bản N, xã X và cần tiền để lo công việc cá nhân nên ngày 30 tháng 01 năm 2014, anh K có vay với bà H số tiền 6.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày, khoảng một thời gian sau anh K lại vay tiếp bà H 4.000.00đ. Tổng cộng hai lần vay là 10.000.000đ, bà H tính lãi theo tháng là 1.000.000đ/1 tháng. Sáu tháng sau bà H gọi anh K chốt giấy vay nợ với bà là 16.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay anh K có trả cho bà H số tiền 11.000.000đ; cụ thể lần 1 trả cho bà H 3.000.000đ, lần hai trả cho bà H 4.000.000đ và 04 lần sau mỗi lần trả cho bà H 1.000.000đ, ngoài ra bà H còn lấy thịt cầy và thịt lợn của anh nhưng không trừ vào số tiền nợ. Những lần trả tiền cho bà H giữa anh và bà H không lập giấy tờ gì và không có người làm chứng. Anh K cho rằng anh đã trả nợ cho bà H số tiền 11.000.000đ, do đó anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Anh K chỉ chấp nhận trả cho bà H số tiền còn nợ là 7.000.000đ.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu anh trả nợ gốc là 16.000.000đ anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý bà H số tiền nợ là 7.000.000đ. Nếu bà H đồng ý, anh sẽ trả đầy đủ cho bà H.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại phiên tòa đúng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa diễn ra đúng các thủ tục quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa được quy định tại điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 281,290, khoản 2 Điều 305, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 21; Khoản 3 Điều 26; 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc 16.000.000đ và đình chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, buộc bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Chu Thị H khởi kiện yêu cầu anh Len Văn K trả số tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Len Văn K có nơi cư trú tại bản Kh, xã X, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án được thụ lý ngày 08/4/2019. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án được giải quyết trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

Về số tiền nợ gốc: Ngày 30/01/2014 anh Len Văn K vay của bà Chu Thị H số tiền 16.000.000đ(mười sáu triệu đồng) để lo công việc cá nhân; việc vay tiền được lập thành giấy vay, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng, cam kết thời gian trả nợ gốc và lãi là ngày 30/4/2014. Tuy nhiên đến thời hạn thanh toán anh K không thực hiện việc trả nợ như cam kết, tính đến thời điểm hiện nay anh K chưa thanh toán cho bà H được khoản nợ gốc và lãi nào.

Anh K không đồng ý với số tiền nợ gốc 16.000.000đ như nguyên đơn trình bày mà cho rằng chỉ vay gốc 10.000.000đ, sau đó chưa trả được lãi thì bà H bắt anh phải viết giấy vay nợ cả gốc và lãi là 16.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng vay anh đã trả cho bà H nhiều lần gồm cả tiền gốc và tiền lãi tính đến thời điểm hiện nay là: 11.000.000đ, anh K chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 7.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra quyết định yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ về số tiền vay gốc và trả nợ gốc + tiền lãi thì anh K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh anh đã trả được số tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà H là 11.000.000đ. Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 31/01/2014 và lời khai của bà H, thì đến thời điểm hiện nay anh K còn nợ bà H số tiền gốc là: 16.000.000đ(mười sáu triệu đồng). Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định số tiền nợ gốc anh K nợ bà H tính đến thời điểm ngày 23/7/2019(ngày xét xử sơ thẩm) là 16.000.000đ(mười sáu triệu đồng).

Theo 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả tiền khi đến hạn"*. Xét việc anh K không thực hiện thanh toán tiền nợ gốc như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và làm thiệt hại đến lợi ích của bà H. Do đó có cở để chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc anh K trả số tiền nợ gốc là 16.000.0000đ(mười sáu triệu đồng) theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn:

Nguyên đơn Chu Thị H yêu cầu bị đơn Len Văn K phải trả lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng tạm tính từ thời điểm 30/01/2014 đến 31/3/2019 là: 16.000.000đ x 1%/tháng x 62 tháng = 9.920.000đ(Chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngày 03/6/2019 nguyên đơn Chu Thị H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất. Việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn Chu Thị H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc và đình chỉ yêu cầu về lãi suất theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định việc vay nợ giữa bị đơn Len Văn K với nguyên đơn Chu Thị H số tiền gốc là 16.000.000đ(mười sáu triệu đồng) như nguyên đơn yêu cầu trong đơn khởi kiện là có thật, quá trình thực hiện hợp đồng vay bị đơn Len Văn K không trả cho nguyên đơn được khoản tiền nợ gốc và lãi nào, tính đến thời điểm hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn Chu Thị H số tiền gốc là 16.000.000đ(mười sáu triệu đồng). Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chu Thị H là phù hợp với các Điều 290,305, 471, 474 và 476 BLDS 2005; 2 Điều 21; Khoản 3 Điều 26; 147, 271, 273 BLTTDS 2015. Buộc bị đơn Len Văn K trả nợ cho nguyên đơn Chu Thị H số tiền nợ gốc là: 16.000đ(mười sáu triệu đồng).

[3]*Về án phí*: Áp dụng khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và điểm b tiểu mục 1.3, mục II danh mục án phí Tòa án.

Bị đơn Len Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 800.000đ (16.000.000đ x 5%).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Chu Thị H số tiền tạm ứng án phí 648.000.00đ(Sáu trăm bốn tám nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004215 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39,khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 147, Điều 235, 244, 271, 273 BLTTDS;

Căn cứ vào các Điều 290,471, 474 BLDS 2005;

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và điểm b tiểu mục 1.3, mục II danh mục án phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chu Thị H. Buộc bị đơn Len Văn K phải trả cho bà Chu Thị H số tiền là: 16.000.000đ(mười sáu triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn Chu Thị H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất giới hạn quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

3. Buộc bị đơn Len Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 800.000đ(Tám trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Chu Thị H số tiền tạm ứng án phí 648.000đ(Sáu trăm bốn tám nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004215 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Quan Hoá;
- Chi cục THADS huyện Quan Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Hỷ